

CHI DƯỚI

Chọn một trả lời phù hợp nhất

151. Chi tiết nào sau đây giúp ta xác định hướng *Trước – Sau* của xương chậu nhanh nhất?
- A. Đường cung
 - B. Ổ cối
 - C. Lỗ bịt
 - D. Khuyết ngồi lớn
 - E. Rãnh bịt
152. Chi tiết nào sau đây ở mặt ngoài phần cánh xương chậu?
- A. Mào chậu
 - B. Đường cung
 - C. Khuyết ngồi lớn
 - D. Diện nhĩ
 - E. Ba đường mộng
153. Chi tiết nào sau đây **không** có ở bờ sau xương chậu?
- A. Khuyết ngồi lớn
 - B. Gai chậu sau dưới
 - C. Khuyết ngồi bé
 - D. Mào chậu
 - E. Gai ngồi
154. Để định hướng *Trong - Ngoài* của xương chậu nhanh và chính xác nhất, ta dựa vào
- A. Lỗ bịt
 - B. Ổ cối
 - C. Ụ ngồi
 - D. Mào chậu
 - E. Gai chậu trước trên
155. Chi tiết nào sau đây ở mặt trong xương chậu?
- A. Đường cung
 - B. Các đường mộng
 - C. Diện nguyệt
 - D. Hố ổ cối
 - E. Ổ cối

156. Eo chậu trên là mặt phẳng đi qua mỏm nhỏ xương cùng, mào lư
xương mu và

- A. Khuyết ổ cối
- B. Đường mông trên
- C. Rãnh bịt
- D. Gai ngồi
- E. Đường cùng

157. Điểm cao nhất của mào chậu tương ứng với đốt sống

- A. Thắt lưng 2
- B. Thắt lưng 3
- C. Thắt lưng 4
- D. Cùng 1
- E. Cùng 2

158. Gai chậu trước trên của xương chậu tương ứng với đốt sống

- A. Thắt lưng 1
- B. Thắt lưng 2
- C. Thắt lưng 3
- D. Cùng 1
- E. Cùng 2

159. Gai chậu sau trên của xương chậu tương ứng với đốt sống

- A. Thắt lưng 4
- B. Thắt lưng 5
- C. Cùng 1
- D. Cùng 2
- E. Cùng 3

160. Các thành phần sau đây ở bờ sau xương chậu, *ngoại trừ*

- A. Gò chậu mu
- B. Khuyết ngồi lớn
- C. Khuyết ngồi bé
- D. Gai ngồi
- E. Gai chậu sau dưới

161. Xương chậu có các đặc điểm sau đây, *ngoại trừ*

- A. Về hình dạng, được xếp vào nhóm xương dẹt
- B. Cấu tạo chủ yếu bởi mô xương xốp.
- C. Có ý nghĩa quan trọng về sản khoa.
- D. Khớp với cột sống thắt lưng tạo nên khung chậu
- E. Khớp với xương đùi tạo thành khớp hông (khớp háng).

162. Để định hướng *Trước - Sau* của xương đùi nhanh và chính xác nhất, ta dựa vào

- A. Cổ xương đùi
- B. Chỏm đùi
- C. Mấu chuyển lớn
- D. Mấu chuyển bé
- E. Đường ráp

163. Ở xương đùi, chi tiết nào sau đây có thể sờ và nhận biết được dưới da?

- A. Đường ráp
- B. Mấu chuyển lớn
- C. Đường gian mấu
- D. Mào gian mấu
- E. Diện khoeo

164. Để định hướng *Trong - Ngoài* của xương đùi nhanh và chính xác nhất, ta dựa vào

- A. Chỏm đùi
- B. Đường gian mấu
- C. Đường lược
- D. Đường ráp
- E. Mào gian mấu

165. Cơ nào sau đây bám vào hố mấu chuyển xương đùi?

- A. Cơ bịt trong
- B. Cơ bịt ngoài
- C. Cơ vuông đùi
- D. Cơ khép gần
- E. Cơ lược

166. Điểm yếu nhất của xương đùi là

- A. Đường ráp
- B. Cổ xương đùi
- C. Đường lược
- D. Đường gian mấu
- E. Mào gian mấu

167. Chi tiết nào sau đây ở đầu dưới xương đùi?

- A. Chỏm đùi
- B. Đường ráp
- C. Cổ xương đùi
- D. Đường gian mấu
- E. Hố gian lồi cầu

168. Diện khoeo là một mặt phẳng
- A. Ở mặt sau đầu dưới thân xương đùi
 - B. Ở mặt trước đầu dưới xương đùi
 - C. Nằm giữa hai lồi cầu xương đùi
 - D. Ở mặt trong mấu chuyển lớn xương đùi
 - E. Nằm ở mặt ngoài mấu chuyển lớn xương đùi

169. Diện nguyệt là một chi tiết của
- A. Xương cánh tay
 - B. Xương chậu
 - C. Xương vai
 - D. Xương đùi
 - E. Xương bánh chè

170. Một bệnh nhân té từ trên cao, hai bàn chân chạm đất trước và nghi ngờ gãy xương ở cổ chân, xương nào sau đây có khả năng bị gãy cao nhất?
- A. Xương sên
 - B. Xương hộp
 - C. Xương ghe
 - D. Xương chêm ngoài
 - E. Xương gót

171. Diện bánh chè nằm ở
- A. Mặt sau đầu dưới xương đùi
 - B. Mặt trước đầu dưới xương đùi
 - C. Mặt trước xương bánh chè
 - D. Mặt sau xương bánh chè
 - E. Mặt trên đầu trên xương chày

172. Chi tiết nào sau đây ở đầu dưới xương chày?
- A. Lồi cầu ngoài
 - B. Khuyết mác
 - C. Lồi cầu trong
 - D. Diện khớp mác
 - E. Lồi củ chày

173. Đường ráp xương đùi là
- A. Đường vòng quanh cổ xương đùi
 - B. Đường nối giữa hai mấu chuyển
 - C. Nơi bám của cơ lược
 - D. Đường giới hạn ngoài của diện khoeo
 - E. Bờ sau thân xương đùi

174. Củ cơ khép là một chi tiết nằm ở
- A. Đầu trên xương đùi
 - B. Đầu dưới xương đùi
 - C. Đầu trên xương chày
 - D. Đầu dưới xương chày
 - E. Đầu trên xương mác

175. Lồi củ cơ móng là một chi tiết nằm ở
- A. Mặt ngoài xương chậu
 - B. Mặt trong xương chậu
 - C. Bờ sau xương chậu
 - D. Đầu trên xương đùi
 - E. Thân xương đùi

176. Trường hợp gãy xương nào sau đây có thể gây tổn thương thần kinh mác chung?
- A. Gãy đầu trên xương chày
 - B. Gãy đầu dưới xương chày
 - C. Gãy thân xương mác
 - D. Gãy cổ xương mác
 - E. Gãy mắt cá ngoài

177. Dây chằng nào sau đây của khớp gối có vai trò quan trọng trong việc giữ cho khớp gối không bị trật theo chiều trước sau?
- A. Dây chằng bánh chè và mạc giữ bánh chè
 - B. Dây chằng chéo trước và dây chằng chéo sau
 - C. Dây chằng khoeo chéo và dây chằng khoeo cung
 - D. Dây chằng bên chày
 - E. Dây chằng bên mác

178. Xương nào sau đây không phải là xương cổ chân?
- A. Xương gót
 - B. Xương cà
 - C. Xương sên
 - D. Xương ghe
 - E. Xương hộp

179. Khớp cổ chân là khớp giữa đầu dưới xương chày, đầu dưới xương mác với
- A. Xương gót
 - B. Xương ghe
 - C. Xương sên
 - D. Xương hộp
 - E. Xương chêm trong

180. Ở cổ chân, nằm ngay trước xương sên là

- A. Xương hộp
- B. Xương ghe
- C. Xương chêm trong
- D. Xương chêm giữa
- E. Xương chêm ngoài

181. Ở cổ chân, xương gót khớp phía trước với

- A. Xương sên
- B. Xương ghe
- C. Xương hộp
- D. Xương chêm trong
- E. Xương chêm giữa

182. Trong vòm ngang của bàn chân, đỉnh vòm là

- A. Xương chêm trong và xương chêm giữa
- B. Xương chêm giữa và xương chêm ngoài
- C. Xương chêm ngoài và nền xương bàn chân III
- D. Xương chêm giữa và nền xương bàn II
- E. Xương chêm giữa và nền xương bàn III

183. Về vòm dọc bàn chân, nhìn từ trong, đỉnh vòm là

- A. Xương sên
- B. Xương hộp
- C. Xương ghe
- D. Xương chêm trong
- E. Xương chêm giữa

184. Về vòm dọc bàn chân, nhìn từ trong, chân vòm là chòm xương bàn I và

- A. Nền xương bàn I
- B. Xương chêm trong
- C. Xương chêm giữa
- D. Mòm trong củ gót
- E. Mòm ngoài củ gót

185. Về vòm dọc bàn chân, nhìn từ ngoài, chân vòm là

- A. Mòm ngoài củ gót và nền xương bàn IV
- B. Mòm ngoài củ gót và chòm xương bàn IV
- C. Mòm ngoài củ gót và nền xương bàn V
- D. Mòm ngoài củ gót và chòm xương bàn V
- E. Mòm ngoài củ gót, nền xương IV và nền xương bàn V

186. Rãnh gót là một rãnh nằm giữa

- A. Diện khớp sên trước và diện khớp sên giữa
- B. Diện khớp sên giữa và diện khớp sên sau
- C. Diện khớp gót sau và diện khớp gót giữa
- D. Diện khớp gót trước và diện khớp gót giữa
- E. Diện khớp gót trước và diện khớp gót sau

187. Xương nào sau đây được xem là một xương vững?

- A. Xương chêm trong
- B. Xương chêm giữa
- C. Xương bánh chè
- D. Xương sên
- E. Xương hộp

188. Ở khớp hông, dây chằng nào sau đây nằm trong bao khớp?

- A. Dây chằng vòng
- B. Dây chằng chòm đùi
- C. Dây chằng chậu đùi
- D. Dây chằng mu đùi
- E. Dây chằng ngồi đùi

189. Ở khớp hông, dây chằng nào chắc nhất?

- A. Dây chằng vòng
- B. Dây chằng chậu đùi
- C. Dây chằng mu đùi
- D. Dây chằng chòm đùi
- E. Dây chằng ngồi đùi

190. Mạc nông ở vùng mông bọc lấy cơ nào sau đây?

- A. Cơ mông lớn
- B. Cơ mông bé
- C. Cơ mông nhỏ
- D. Cơ hình lê
- E. Cơ bịt trong

191. Cơ nào sau đây được dùng làm mốc để xác định bó mạch thần kinh vùng mông?

- A. Cơ bịt trong
- B. Cơ hình lê
- C. Cơ mông lớn
- D. Cơ mông nhỏ
- E. Cơ mông bé

192. Thần kinh ngồi có các đặc điểm sau, *ngoại trừ*
- A. Ở vùng mông, thường đi bên ngoài thần kinh bì đùi sau
 - ☒ B. Đi phía trước cơ mông nhỏ và cơ mông bé *mông lớn*
 - C. Không cho nhánh bên ở vùng khoeo
 - D. Thường tách làm hai thành phần ở vùng khoeo
 - E. Chi phối vận động lẫn cảm giác cho phần lớn chi dưới

193. Cơ nào sau đây *không* thuộc nhóm cơ chậu - mấu chuyển?
- A. Cơ mông lớn
 - B. Cơ mông nhỏ
 - ☒ C. Cơ vuông đùi
 - D. Cơ căng mạc đùi
 - E. Cơ hình lê

194. Các cơ sau đây bám vào mấu chuyển lớn xương đùi, *ngoại trừ*:
- A. Cơ mông lớn
 - B. Cơ mông nhỏ
 - C. Cơ mông bé
 - D. Cơ hình lê
 - ☒ E. Cơ bịt trong

195. Ở vùng mông, lớp nông gồm cơ mông lớn và
- A. Cơ hình lê
 - B. Cơ bịt ngoài
 - ☒ C. Cơ mông nhỏ
 - D. Cơ căng mạc đùi
 - E. Cơ vuông đùi

196. Cơ nào sau đây thuộc nhóm cơ chậu - mấu chuyển?

- ☒ A. Cơ hình lê
- B. Cơ sinh đôi
- C. Cơ vuông đùi
- D. Cơ bịt trong
- E. Cơ bịt ngoài

197. Cơ nào sau đây thuộc nhóm cơ ụ ngồi - xương mu - mấu chuyển?

- A. Cơ mông nhỏ
- B. Cơ mông bé
- ☒ C. Cơ vuông đùi
- D. Cơ căng mạc đùi
- E. Cơ hình lê

198. Động mạch mông trên nối với động mạch đùi sâu qua nhánh
- ☒ A. Động mạch mũ đùi ngoài
 - B. Động mạch mũ đùi trong
 - C. Động mạch mũ chậu sâu
 - D. Động mạch mũ chậu nông
 - E. Động mạch mông dưới

199. Động mạch mông trên nối với động mạch chậu ngoài qua nhánh
- A. Động mạch mũ đùi ngoài
 - B. Động mạch mũ đùi trong
 - ☒ C. Động mạch mũ chậu sâu
 - D. Động mạch mũ chậu nông
 - E. Động mạch mông dưới

200. Thần kinh mông trên có đặc điểm sau đây, *ngoại trừ*:
- A. Được tạo bởi thần kinh thắt lưng 4, thắt lưng 5, cùng 1
 - B. Đi qua khuyết ngồi lớn
 - ☒ C. Nằm sâu hơn động mạch mông trên
 - ☒ D. Vận động cho cơ mông lớn TK mông dưới
 - E. Ở vùng mông xuất hiện ở bờ trên cơ hình lê

201. Thần kinh bì đùi sau có các đặc điểm sau đây, *ngoại trừ*:
- A. Được tạo bởi các dây thần kinh cùng 1, cùng 2, cùng 3
 - ☒ B. Ở vùng mông xuất hiện ở bờ trên cơ hình lê *đùi*
 - ☒ C. Đi phía trong thần kinh ngồi
 - D. Cho nhánh bì mông dưới
 - E. Cho nhánh cảm giác cho cơ quan sinh dục ngoài

202. Về thần kinh ngồi, điều nào sau đây SAI?

- A. Được xem là thần kinh lớn nhất trong cơ thể
- B. Hình thành từ các dây thần kinh thắt lưng 4, 5 và cùng 1, 2, 3
- ☒ C. Gồm hai thành phần: thần kinh chày và thần kinh mác chung
- D. Xuất hiện ở bờ dưới cơ hình lê
- ☒ E. Vận động cho các cơ vùng mông

203. Thần kinh mông trên vận động cho cơ nào sau đây?

- A. Cơ căng mạc đùi, cơ mông lớn, cơ hình lê
- ☒ B. Cơ căng mạc đùi, cơ mông nhỏ, cơ mông bé
- ☒ C. Cơ mông nhỏ, cơ mông bé, cơ hình lê
- D. Cơ mông lớn, cơ mông nhỏ, cơ mông bé
- E. Cơ mông lớn, cơ mông nhỏ, cơ hình lê

204. Các động mạch cung cấp máu cho vùng mông xuất phát từ

- A. Động mạch chậu chung
- B. Động mạch chậu trong
- C. Động mạch chậu ngoài
- D. Động mạch thẹn trong
- E. Động mạch đùi sâu

205. Thần kinh mông dưới vận động cho cơ nào sau đây?

- A. Cơ mông lớn
- B. Cơ mông nhỏ
- C. Cơ mông bé
- D. Cơ hình lê
- E. Cơ sinh đôi

206. Cơ nào sau đây thuộc vùng đùi sau?

- A. Cơ thẳng đùi
- B. Cơ lược
- C. Cơ nhị đầu đùi
- D. Cơ khép dài
- E. Cơ thon

207. Các cơ sau đây thuộc khu vực vùng đùi trước, ngoại trừ

- A. Cơ rộng trong
- B. Cơ khép ngắn
- C. Cơ lược
- D. Cơ khép dài
- E. Cơ thon

208. Vòng đùi được giới hạn bởi

- A. Dây chằng bẹn, dây chằng khuyết, dây chằng phản chiếu
- B. Dây chằng bẹn, dây chằng phản chiếu, mào lược xương mu
- C. Dây chằng bẹn, dây chằng khuyết, mào lược xương mu
- D. Cung chậu lược, dây chằng bẹn, dây chằng khuyết
- E. Cung chậu lược, dây chằng khuyết, dây chằng phản chiếu

209. Cơ nào sau đây không thuộc cơ tứ đầu đùi?

- A. Cơ vuông đùi
- B. Cơ thẳng đùi
- C. Cơ rộng ngoài
- D. Cơ rộng giữa
- E. Cơ rộng trong

210. Vùng đùi sau có ba cơ là

- A. Cơ nhị đầu đùi, cơ bán gân, cơ lược
- B. Cơ nhị đầu đùi, cơ bán gân, cơ thon
- C. Cơ nhị đầu đùi, cơ bán gân, cơ bán màng
- D. Cơ khép lớn, cơ cơ khép dài, khép ngắn
- E. Cơ rộng ngoài, cơ rộng giữa, cơ rộng trong

211. Cơ nào sau đây thuộc vùng đùi trước?

- A. Cơ vuông đùi
- B. Cơ bán gân
- C. Cơ bán màng
- D. Cơ thẳng đùi
- E. Cơ nhị đầu đùi

212. Tĩnh mạch hiển lớn bắt đầu từ

- A. Gan chân
- B. Mu chân
- C. Mặt sau cẳng chân
- D. Cạnh ngoài bàn chân
- E. Cạnh trong bàn chân

213. Động mạch cấp máu chủ yếu cho vùng đùi sau là

- A. Động mạch mông dưới
- B. Động mạch đùi sâu
- C. Động mạch mũ đùi trong
- D. Động mạch khoeo
- E. Động mạch bịt

214. Cơ nào sau đây có vai trò trong động tác khép đùi?

- A. Cơ lược
- B. Cơ may
- C. Cơ thẳng đùi
- D. Cơ rộng trong
- E. Cơ rộng giữa

215. Cơ nào sau đây thuộc nhóm cơ ụ ngồi - cẳng chân?

- A. Cơ khép lớn
- B. Cơ hình lê
- C. Cơ tam đầu cẳng chân
- D. Cơ nhị đầu đùi
- E. Cơ tứ đầu đùi

216. Ở cổ chân, thành phần nằm ngay sau mắt cá trong là

- A. Gân cơ chày sau
- B. Gân cơ duỗi ngón cái dài
- C. Gân cơ duỗi các ngón chân dài
- D. Gân cơ mắt cá dài
- E. Gân cơ mắt cá ngắn

217. Thần kinh bị vận động cho các cơ sau đây, ngoại trừ:

- A. Cơ khép lớn
- B. Cơ khép dài
- C. Cơ rộng trong
- D. Cơ thon
- E. Cơ khép ngắn

218. Động mạch chày sau có các đặc điểm sau đây, ngoại trừ:

- A. Là một trong hai nhánh tận của động mạch khoeo
- B. Ở cẳng chân sau, đi trước cơ dẹt
- C. Đến cổ chân, đi trước gân cơ gấp ngón cái dài

D. Chia hai nhánh tận là động mạch gan chân ngoài và động mạch gan chân trong

E. Đi cùng thần kinh chày mắt cá

219. Thần kinh gan chân ngoài có đặc điểm, ngoại trừ:

- A. Là nhánh của thần kinh chày
- B. Đi phía trong động mạch gan chân ngoài
- C. Nằm nông hơn cơ vuông gan chân
- D. Chi phối cảm giác cho ba ngón rưỡi ngoài
- E. Cho nhánh vận động cho cơ khép ngón cái

220. Chi tiết nào sau đây ở đầu dưới xương chày?

- A. Lỗ củ chày
- B. Đường cơ dẹt
- C. Khuyết mắt cá
- D. Vùng gian lỗ cầu trước
- E. Vùng gian lỗ cầu sau

221. Động mạch nào sau đây là nhánh của động mạch đùi?

- A. Động mạch chày trước
- B. Động mạch chày sau
- C. Động mạch mắt cá
- D. Động mạch gối giữa
- E. Động mạch gối xuống

222. Ở hố khoeo, thành phần nằm nông nhất và ngoài nhất là

- A. Cơ khoeo
- B. Dây chằng khoeo chéo
- C. Thần kinh chày
- D. Động mạch khoeo
- E. Tĩnh mạch khoeo

223. Tam giác đùi có

- A. Bờ trong là cơ thon
- B. Bờ trên là dây chằng bẹn
- C. Bờ ngoài là cơ khép lớn
- D. Thành sau là khớp hông
- E. Thành trước là cơ thắt lưng - chậu

ngoài may
trong khớp đùi

224. Động mạch mông dưới là nhánh của

- A. Động mạch mông trên
- B. Động mạch chậu trong
- C. Động mạch đùi
- D. Động mạch đùi sâu
- E. Động mạch bịt

225. Thành phần nào sau đây chui qua vòng gân cơ khép?

- A. Động mạch đùi
- B. Động mạch đùi sâu
- C. Thần kinh đùi
- D. Thần kinh chày
- E. Thần kinh mắt cá

226. Cảm giác da mặt trong đùi được chi phối bởi

- A. Thần kinh sinh dục đùi
- B. Thần kinh thẹn
- C. Thần kinh bịt
- D. Thần kinh đùi
- E. Thần kinh ngồi

227. Các thành phần nào sau đây đi trong ống cơ khép, ngoại trừ

- A. Thần kinh hiển
- B. Động mạch đùi
- C. Tĩnh mạch hiển lớn
- D. Tĩnh mạch đùi
- E. Nhánh thần kinh đến cơ rộng trong

228. Thần kinh ngồi có đặc điểm

- A. Xuất phát từ đám rối thần kinh thắt lưng
- ☒ B. Vùng móng đi ra bờ dưới cơ hình lê
- C. Khi xuống đùi, đi ở mặt ngoài đùi
- D. Chia thành thần kinh chày và thần kinh mác chung ở đỉnh
- E. Là thần kinh vận động đơn thuần, không có chức năng cảm

229. Các cơ sau đây được chi phối bởi thần kinh bịt, ngoại trừ:

- ☒ A. Cơ lược
- B. Cơ khép lớn
- C. Cơ khép dài
- D. Cơ bịt ngoài
- E. Cơ thon

230. Động mạch nào sau đây vòng quanh phía trước cổ xương đùi?

- ☒ A. Động mạch mũ đùi ngoài
- B. Động mạch mũ đùi trong
- C. Động mạch bịt
- D. Động mạch thẹn trong
- E. Động mạch mũ chậu sâu

231. Động mạch nào sau đây vòng quanh phía sau cổ xương đùi?

- A. Động mạch mũ đùi ngoài
- ☒ B. Động mạch mũ đùi trong
- C. Động mạch bịt
- D. Động mạch thẹn trong
- E. Động mạch mũ chậu sâu

232. Cạnh trên trong của trám khoeo, cơ nằm ở lớp sâu là

- A. Cơ may
- B. Cơ khoeo
- ☒ C. Cơ nhị đầu đùi
- D. Cơ bán gân
- E. Cơ bán màng

233. Cạnh trên trong của trám khoeo, cơ nằm ở lớp nông là

- A. Cơ may
- B. Cơ bán màng
- ☒ C. Cơ bán gân
- D. Cơ khoeo
- E. Cơ nhị đầu đùi

234. Thần kinh nào sau đây là thần kinh chính điều khiển động tác khép đùi?

- A. Thần kinh thẹn
- B. Thần kinh ngồi
- ☒ C. Thần kinh đùi
- D. Thần kinh hiển
- E. Thần kinh bịt

235. Tam giác đùi được hình thành bởi:

- ☒ A. Dây chằng bên, cơ may, cơ khép dài
- B. Dây chằng bên, cơ thẳng đùi, cơ khép dài
- C. Dây chằng bên, cơ rộng trong, cơ khép dài
- D. Cơ rộng trong, cơ lược, cơ khép dài
- E. Cơ rộng trong, cơ may, cơ lược

236. Tĩnh mạch hiển bé đổ vào

- A. Tĩnh mạch hiển lớn
- ☒ B. Tĩnh mạch khoeo
- C. Tĩnh mạch chày trước
- D. Tĩnh mạch chày sau
- E. Tĩnh mạch đùi

237. Cơ nào sau đây được xem là cạnh trong tam giác đùi?

- A. Cơ thon
- B. Cơ lược
- ☒ C. Cơ khép ngắn
- D. Cơ khép lớn
- E. Cơ khép dài

238. Cơ nào sau đây được xem là cạnh ngoài tam giác đùi?

- ☒ A. Cơ may
- B. Cơ rộng ngoài
- C. Cơ rộng giữa
- D. Cơ rộng trong
- E. Cơ thẳng đùi

239. Đáy của tam giác đùi là

- A. Mào chậu
- B. Cơ thắt lưng chậu
- ☒ C. Dây chằng bên
- D. Mào lược xương mu
- E. Dây chằng khuyết

240. Đỉnh của tam giác đùi là nơi
- A. Cơ may bắt chéo cơ khép dài ✓
 - B. Cơ khép dài bắt chéo cơ thon
 - C. Cơ khép lớn bắt chéo cơ may
 - D. Cơ lược bắt chéo cơ may
 - E. Cơ may bắt chéo cơ thon

241. Ở đoạn sau dây chằng bẹn, động mạch đùi đi trong ngăn mạch cùng với

- A. Tĩnh mạch đùi và thần kinh đùi
- B. Tĩnh mạch đùi và hạch bạch huyết bẹn sâu ✓
- C. Thần kinh đùi và hạch bạch huyết bẹn sâu
- D. Thần kinh đùi và cơ thắt lưng chậu
- E. Tĩnh mạch đùi và cơ thắt lưng chậu

242. Ống cơ khép được hình thành từ các cơ sau đây, ngoại trừ:

- A. Cơ may *tre trong*
- B. Cơ khép dài *ở sau trong*
- C. Cơ khép lớn *ở ngoài*
- D. Cơ rộng trong *tre ngoài*
- E. Cơ lược ✓

243. Động mạch nào sau đây có hai tĩnh mạch cùng tên đi kèm?

- A. Động mạch đùi
- B. Động mạch khoco
- C. Động mạch nách
- D. Động mạch chày trước ✓
- E. Động mạch chậu trong

244. Động mạch nào sau đây không phải là nhánh của động mạch đùi?

- A. Động mạch mũ chậu nông
- B. Động mạch mũ chậu sâu ✓
- C. Động mạch thượng vị nông
- D. Động mạch thẹn ngoài
- E. Động mạch gối xuống

245. Động mạch nào sau đây là nhánh của động mạch đùi sâu?

- A. Động mạch mũ chậu nông
- B. Động mạch mũ chậu sâu
- C. Động mạch thẹn ngoài
- D. Động mạch mũ đùi ngoài + mũ đùi trong + xuyên ✓
- E. Động mạch thượng vị dưới

246. Động mạch bít là nhánh của

- A. Động mạch đùi
- B. Động mạch đùi sâu
- C. Động mạch chậu trong ✓
- D. Động mạch chậu ngoài
- E. Động mạch mũ chậu sâu

247. Nhánh đầu tiên của động mạch đùi là

- A. Động mạch thượng vị nông ✓
- B. Động mạch mũ chậu nông
- C. Động mạch thẹn ngoài
- D. Động mạch đùi sâu
- E. Động mạch gối xuống

248. Động mạch đùi cho các nhánh sau đây, ngoại trừ:

- A. Động mạch thượng vị nông
- B. Động mạch mũ chậu nông
- C. Động mạch mũ đùi ngoài của *thai đùi sâu* ✓
- D. Động mạch đùi sâu
- E. Động mạch gối xuống

249. Các cơ vùng đùi sau được cấp máu bởi

- A. Động mạch mũ chậu nông
- B. Động mạch mũ chậu sâu
- C. Động mạch mũ đùi trong
- D. Động mạch mũ đùi ngoài
- E. Động mạch đùi sâu ✓

250. Các nhánh cấp máu cho cơ vùng đùi trước chủ yếu xuất phát từ

- A. Động mạch đùi sâu ✓
- B. Động mạch đùi
- C. Động mạch mũ chậu sâu
- D. Động mạch mũ đùi ngoài
- E. Động mạch mũ đùi trong

251. Động mạch nào sau đây là nhánh cuối cùng của động mạch đùi?

- A. Động mạch thượng vị nông
- B. Động mạch mũ chậu nông
- C. Động mạch thẹn ngoài
- D. Động mạch đùi sâu
- E. Động mạch gối xuống ✓

gợi: TK - TM - OM

252. Tĩnh mạch đùi
- A. Bắt đầu từ vòng gân cơ khép, liên tục với tĩnh mạch khoeo
 - B. Nhận máu của tĩnh mạch hiển bé
 - C. Đoạn trong ống cơ khép, nằm phía trong động mạch đùi
 - D. Đoạn trong tam giác đùi, nằm phía sau động mạch đùi
 - E. Đổ vào tĩnh mạch chậu trong

253. Thần kinh đùi
- A. Thuộc đám rối thần kinh cùng
 - B. Đi ngoài tam giác đùi
 - C. Không có chức năng cảm giác
 - D. Vận động cho các cơ khu trước vùng đùi trước
 - E. Cho các nhánh xuyên ra sau để vận động cho các cơ vùng đùi sau

254. Cơ nào sau đây được vận động bởi thần kinh đùi?
- A. Cơ lược
 - B. Cơ khép dài
 - C. Cơ khép lớn
 - D. Cơ khép ngắn
 - E. Cơ bán gân

255. Các cơ sau đây được vận động bởi thần kinh đùi, ngoại trừ:
- A. Cơ thẳng đùi
 - B. Cơ nhị đầu đùi
 - C. Cơ lược
 - D. Cơ may
 - E. Cơ thon

256. Thần kinh hiển có các đặc điểm sau, ngoại trừ:

- A. Là nhánh của thần kinh đùi
- B. Không có chức năng vận động
- C. Đi trong ống cơ khép
- D. Cho các nhánh cảm giác mặt trong cẳng chân
- E. Tận hết ở mu bàn chân bằng thần kinh bì mu chân trong

257. Cơ nào sau đây bị kẹp giữa nhánh nông và nhánh sâu của thần kinh bì?
- A. Cơ thon
 - B. Cơ lược
 - C. Cơ khép lớn
 - D. Cơ khép dài
 - E. Cơ khép ngắn

258. Trong thoát vị lỗ bịt, bệnh nhân sẽ có cảm giác đau ở

- A. Vùng đùi trong
- B. Vùng đùi trước
- C. Vùng đùi sau
- D. Vùng bụng dưới
- E. Vùng mông

259. Thần kinh bịt có các đặc điểm sau đây, ngoại trừ:

- A. Được hình thành từ các nhánh trước thần kinh thắt lưng 2, 3, 4
- B. Đi vào rãnh bịt cùng động mạch bịt
- C. Chia thành hai nhánh kẹp lấy cơ khép lớn
- D. Vận động cho các cơ khép ở đùi
- E. Chỉ phôi cảm giác mặt trong đùi

260. Cơ nào sau đây thuộc nhóm cơ ụ ngồi - căng chân?

- A. Cơ may
- B. Cơ hình lê
- C. Cơ căng mạc đùi
- D. Cơ bán gân
- E. Cơ mông lớn

261. Thần kinh ngồi vận động cho cơ nào sau đây?

- A. Cơ mông lớn
- B. Cơ căng mạc đùi
- C. Cơ may
- D. Cơ hình lê
- E. Cơ nhị đầu đùi

262. Cơ nào sau đây tạo nên cạnh trên ngoài của hố khoeo?

- A. Cơ bán gân
- B. Cơ bán màng
- C. Cơ nhị đầu đùi
- D. Cơ may
- E. Cơ khoeo

263. Thành phần nào sau đây góp phần tạo nên thành trước hố khoeo?

- A. Mạc nông
- B. Cơ bán màng
- C. Mạc sâu
- D. Cơ bán gân
- E. Cơ khoeo

264. Thành phần nào sau đây góp phần tạo nên thành sau hố khoeo?

- A. Mạc sâu
- B. Cơ khoeo
- C. Diện khoeo xương đùi
- D. Cơ bán gân
- E. Dây chằng khoeo chéo

265. Các thành phần nằm trong hố khoeo là

- A. Động mạch đùi, tĩnh mạch đùi, thần kinh mạc chung
- B. Động mạch đùi, tĩnh mạch đùi, thần kinh mạc chày
- C. Động mạch khoeo, tĩnh mạch khoeo, thần kinh chày
- D. Động mạch khoeo, tĩnh mạch khoeo, thần kinh hiển
- E. Động mạch khoeo, tĩnh mạch khoeo, thần kinh đùi

266. Trong hố khoeo, theo thứ tự từ ngoài vào trong và từ sau ra trước là

- A. Động mạch khoeo, tĩnh mạch khoeo, thần kinh chày
- B. Động mạch khoeo, thần kinh chày, tĩnh mạch khoeo
- C. Tĩnh mạch khoeo, động mạch khoeo, thần kinh chày
- D. Thần kinh chày, tĩnh mạch khoeo, động mạch khoeo
- E. Thần kinh chày, động mạch khoeo, tĩnh mạch khoeo

267. Cạnh trong tam giác trên của trám khoeo được giới hạn bởi

- A. Cơ bán gân, cơ bán màng
- B. Cơ bán gân, cơ nhị đầu đùi
- C. Cơ bán màng, cơ nhị đầu đùi
- D. Cơ khớp lớn, cơ may
- E. Cơ khớp dài, cơ may

268. Động mạch nào sau đây không phải là nhánh của động mạch khoeo?

- A. Động mạch gối trên trong
- B. Động mạch gối trên ngoài
- C. Động mạch gối dưới trong
- D. Động mạch gối dưới ngoài
- E. Động mạch gối xuống

269. Ở hố khoeo, thành phần nào sau đây nằm phía trong cùng?

- A. Động mạch khoeo
- B. Tĩnh mạch khoeo
- C. Thần kinh mạc chung
- D. Thần kinh ngồi
- E. Thần kinh chày

270. Động mạch gối giữa là nhánh bên của

- A. Động mạch đùi
- B. Động mạch đùi sâu
- C. Động mạch khoeo
- D. Động mạch chày trước
- E. Động mạch chày sau

271. Động mạch nào sau đây không góp phần tạo nên mạng mạch khớp gối?

- A. Động mạch gối xuống
- B. Động mạch đùi sâu
- C. Động mạch chày trước
- D. Động mạch chày sau
- E. Động mạch mũ đùi trong

272. Trong các động mạch tạo nên mạng mạch khớp gối, động mạch nào xuất phát từ động mạch đùi sâu?

- A. Động mạch gối xuống
- B. Động mạch gối giữa
- C. Động mạch mũ đùi ngoài
- D. Động mạch quặt ngược chày
- E. Động mạch mũ mào

273. Tĩnh mạch nào sau đây đổ trực tiếp vào tĩnh mạch khoeo?

- A. Tĩnh mạch hiển lớn
- B. Tĩnh mạch hiển bé
- C. Tĩnh mạch đùi
- D. Tĩnh mạch đùi sâu
- E. Tĩnh mạch mào

274. Mô tả vùng cẳng chân, câu nào sau đây SAI?

- A. Vùng cẳng chân được chia làm ba khu cơ riêng biệt
- B. Ba khu cơ được giới hạn bởi màng gian cốt, vách gian cơ trước và vách gian cơ sau cẳng chân
- C. Khu cơ trước và khu cơ ngoài tạo thành vùng cẳng chân trước
- D. Động mạch chày trước đi trong khu cơ trước cùng thần kinh chày
- E. Động mạch mào cung cấp máu cho khu cơ ngoài

275. Mô tả động mạch vùng cẳng chân, câu nào sau đây SAI?

- A. Động mạch chày trước và động mạch chày sau là hai nhánh tận của động mạch khoeo
- B. Động mạch chày sau cho nhánh bên là động mạch mào cấp máu cho các cơ khu ngoài
- C. Động mạch mào đi cùng với thần kinh mào nông. ko đi cùng TK

- D. Động mạch chạy sau cho hai nhánh tận khi đi vào vùng gan chân
E. Động mạch mu chân chính là động mạch chạy trước đôi tên đến vùng bàn chân
276. Khi mô tả động mạch chạy sau, câu nào sau đây SAI?
A. Động mạch đi giữa hai lớp cơ vùng cẳng chân sau, trước sâu cẳng chân.
B. Động mạch đi cùng với thần kinh chày
C. Ở 1/3 trên cẳng chân, động mạch đi giữa xương chày và xương mác
D. Ở 2/3 dưới cẳng chân, động mạch đi vào trong và hướng ra nông
E. Ở cổ chân, động mạch đi ở phía ngoài gân gót trung
277. Các cơ sau đây thuộc nhóm trước vùng cẳng chân trước, ngoại trừ
A. Cơ chày trước
B. Cơ mác ba
C. Cơ mác ngắn ✓
D. Cơ duỗi ngón cái dài
E. Cơ duỗi các ngón chân dài
278. Cơ nào sau đây thuộc nhóm cơ ngoài vùng cẳng chân trước?
A. Cơ chày trước
B. Cơ duỗi ngón cái dài
C. Cơ duỗi các ngón chân dài
D. Cơ mác ba
E. Cơ mác dài ✓
279. Mô tả về động mạch chày sau, chọn câu ĐÚNG
A. Động mạch chày sau là động mạch khớp đôi tên khi qua cùng gân cơ dẹt nhỏ hơn
B. Khi qua khỏi mắt cá trong, động mạch cho 2 nhánh tận vào vùng mu chân gan
C. Tại vị trí ở phía sau mắt cá trong, ta có thể sờ thấy được mạch đập của động mạch chày sau
D. Động mạch chày sau không đi cùng thần kinh ở vùng cẳng chân TK chày
E. Nhánh tận của động mạch chày sau không cho nhánh nối với động mạch vùng mu chân
280. Mô tả thần kinh cảm giác ở cẳng chân và bàn chân, câu nào sau đây SAI?
A. Thần kinh mác nông chi phối cảm giác cho vùng cẳng chân trước và mu chân

- B. Thần kinh mác sâu chi phối cảm giác cho vùng cẳng chân trước và kẽ ngón chân I, II
C. Thần kinh chày cho nhánh tạo thành thần kinh bắp chân cùng với thần kinh mác chung
D. Thần kinh hiển cũng tham gia chi phối cảm giác cho vùng cẳng chân trước
E. Cảm giác vùng gan chân được chi phối bởi các nhánh của thần kinh chày

281. Cơ nào dưới đây thuộc lớp giữa vùng gan chân?

- A. Cơ gấp các ngón chân ngắn
B. Cơ dạng ngón cái
C. Cơ dạng ngón út
D. Cơ vuông gan chân
E. Cơ gấp ngón cái ngắn

282. Cơ dạng ngón chân cái do thần kinh nào sau đây vận động?

- A. Thần kinh gan chân trong
B. Nhánh nông thần kinh gan chân ngoài
C. Nhánh sâu thần kinh gan chân ngoài
D. Thần kinh mác nông
E. Thần kinh mác sâu

283. Chi phối cảm giác cạnh ngoài mu chân là một nhánh thần kinh xuất phát từ

- A. Thần kinh chày
B. Thần kinh bắp chân.
C. Thần kinh mác nông
D. Thần kinh mác sâu
E. Thần kinh hiển

284. Đoạn ngang của động mạch gan chân ngoài đi

- A. Giữa xương gót và cơ dạng ngón cái
B. Giữa cơ gấp các ngón chân ngắn và vuông gan chân
C. Giữa cơ gấp các ngón chân dài và cơ khép ngón cái
D. Giữa cơ khép ngón cái và cơ gian cốt
E. Giữa cơ gian cốt mu chân và cơ gian cốt gan chân

285. Thần kinh gan chân ngoài vận động các cơ sau đây, ngoại trừ:

- A. Cơ vuông gan chân
B. Cơ gấp ngón cái ngắn
C. Cơ khép ngón cái

- D. Cơ gấp ngón út ngắn
E. Cơ gấp các ngón ngắn

286. Khi đến góc trên trám khoeo, thần kinh ngồi chia hai nhánh là thần mác chung và

- A. Thần kinh mác sâu
B. Thần kinh mác nông
C. Thần kinh đùi
D. Thần kinh chày ✓
E. Thần kinh bắp chân

287. Các cơ vùng cẳng chân trước được vận động chủ yếu bởi

- A. Thần kinh mác sâu ✓
B. Thần kinh bì
C. Thần kinh hiển
D. Thần kinh mác nông
E. Thần kinh bắp chân

288. Bệnh nhân được chẩn đoán chèn ép khoang sau cẳng chân, dấu hiệu sau đây có thể gặp ở bệnh nhân này?

- A. Tê cạnh trong ngón cái. } TK mác nông
B. Tê mu bàn chân.
C. Mất mạch mu chân. Khong tcr
D. Mất mạch sau mắt cá trong. DM chày sau ✓
E. Không duỗi được cổ chân. Khong tcr

289. Khớp được tạo bởi xương sên với 2 mắt cá và phần dưới xương hình thành khớp cổ chân hay còn gọi là khớp sên - cẳng chân. Các phần sau đây tham gia tạo nên khớp này, ngoại trừ:

- A. Dây chằng gót-ghe
B. Dây chằng đen-ta
C. Dây chằng bên
D. Dây chằng chày-mác sau
E. Diện khớp hình thang của xương sên

Dùng chỉ tiết sau đây để trả lời hai câu liên tiếp bên dưới

- I. Cơ chày trước
II. Cơ duỗi ngón cái dài
III. Cơ duỗi ngón chân dài
IV. Cơ mác ba
V. Cơ mác dài
VI. Cơ mác ngắn

290. Cơ thuộc khu cơ trước vùng cẳng chân trước gồm:

- A. I, II, III, IV
B. II, III, IV, V
C. III, IV, V, VI
D. II, III, V, VI
E. I, II, III, VI

291. Thần kinh mác nông chi phối vận động cho các cơ

- A. I, II
B. II, VI
C. IV, V
D. IV, VI
E. V, VI ✓

Dùng các chọn lựa sau đây để trả lời bốn câu liên tiếp bên dưới. Mỗi chọn lựa có thể được dùng cho một câu, nhiều câu hoặc không được dùng:

- A. Động mạch khoeo
B. Động mạch chày trước
C. Động mạch chày sau
D. Động mạch mác
E. Động mạch gối xuống

292. Là nhánh tận của động mạch đùi E

293. Đi cùng thần kinh mác sâu. B

294. Cho hai nhánh tận ở gan chân. C

295. Là nhánh của động mạch chày sau. D

Dùng các chọn lựa sau đây để trả lời bốn câu liên tiếp bên dưới. Mỗi chọn lựa có thể được dùng cho một câu, nhiều câu hoặc không được dùng:

- A. Thần kinh ngồi
B. Thần kinh đùi
C. Thần kinh bì
D. Thần kinh bì đùi sau
E. Thần kinh chày

296. Thuộc đám rối thắt lưng - cùng, chi phối cảm giác và vận động phần lớn chi dưới A

297. Chia thành hai nhánh kẹp lấy cơ khép ngắn. C

298. Cho nhánh chi phối cảm giác cơ quan sinh dục ngoài D

299. Cho nhánh cảm giác là thần kinh hiển B

Sáu câu liên tiếp sau là câu chọn tập hợp, hãy chọn:

- A. Nếu 1, 2 3 đúng
- B. Nếu 1, 3 đúng
- C. Nếu 2, 4 đúng
- D. Nếu chỉ có 4 đúng
- E. Nếu tất cả đúng

300. Xương đùi:

- 1. Cổ xương đùi là điểm yếu của xương đùi
- 2. Chỏm xương đùi hướng lên trên và vào trong
- 3. Thân xương đùi hơi cong lồi ra trước
- 4. Hai lỗ cầu của xương đùi ở đầu dưới

301. Xương chậu:

- 1. Xương chậu được cấu tạo chủ yếu bởi mô xương xốp
- 2. Mặt trong xương chậu có các đường mộng
- 3. Bờ trên xương chậu còn gọi là mào chậu
- 4. Diện nguyệt ở dưới lỗ bịt, là nơi khớp với xương đùi

302. Ổng cơ khớp:

- 1. Mặt trong được tạo bởi cơ khớp dài và cơ khớp lớn sau trong
- 2. Mặt trước được tạo bởi da và mỡ dưới da và mạc đùi
- 3. Mặt sau được tạo bởi các cơ vùng đùi sau
- 4. Trong ồng cơ khớp có nhánh của thần kinh đùi ✓

303. Động mạch đùi:

- 1. Liên tục với động mạch chậu trong từ sau dây chằng bẹn ngoài
- 2. Có đoạn đi trong ồng cơ khớp ✓
- 3. Chia hai nhánh tận là động mạch chạy trước và động mạch chạy sau
- 4. Cho nhánh động mạch đùi sâu, là động mạch chính cung cấp máu cho các cơ vùng đùi ✓

304. Thần kinh ngồi và các thành phần của thần kinh ngồi

- 1. Thần kinh ngồi được hình thành từ đám rối thắt lưng TL cũng
- 2. Thần kinh ngồi chia hai nhánh ở bờ dưới cơ hình lê
- 3. Thần kinh chạy vận động các cơ nhóm trước vùng cẳng chân trước sau
- 4. Thần kinh mạc nông vận động các cơ nhóm ngoài vùng cẳng chân trước ✓

305. Vùng gan chân

- 1. Gan chân có lớp cân gan chân rất dày giúp bảo vệ mạch và thần kinh vùng gan chân
- 2. Cơ vùng gan chân chia làm ba ô bởi vách gian cơ ngoài và vách gian cơ trong
- 3. Không có cơ đối ngón cái và đối ngón út
- 4. Các cơ vùng gan chân được vận động bởi thần kinh gan chân ngoài và thần kinh gan chân trong

Sáu câu liên tiếp sau là câu liên quan nhân quả, hãy chọn:

- A. Nếu (I) đúng, (II) đúng, (I) và (II) có liên quan nhân quả
- B. Nếu (I) đúng, (II) đúng, (I) và (II) không có liên quan nhân quả
- C. Nếu (I) đúng, (II) sai
- D. Nếu (I) sai, (II) đúng
- E. Nếu (I) sai, (II) sai

306. (I): Trong chấn thương nếu bị gãy một xương cẳng chân thì xương mác thường bị gãy hơn là xương chày, vì
(II): Xương mác nhỏ hơn xương chày

307. (I): Khi té từ trên cao trong tư thế chạm bàn chân xuống đất, nếu xảy ra gãy xương ở cổ chân thì xương sên thường bị gãy nhất vì
(II): Xương sên khớp với mắt cá trong và mắt cá ngoài

308. (I): Khi bị vỡ xương chậu sẽ có nguy cơ mất nhiều máu, vì:
(II): Xương chậu được cấu tạo chủ yếu bởi mô xương xốp, bên trong chứa nhiều máu

309. (I): Trong chấn thương ở người lớn tuổi, vị trí gãy xương trên xương đùi hay gặp nhất là cổ xương đùi, vì:
(II): Cổ xương đùi là vị trí yếu của xương đùi

310. (I): Khi bị gãy thân xương đùi, đùi thường biến dạng rõ, vì:
(II): Trên xương đùi có nhiều cơ bám

311. (I): Khi bị trật khớp gối có thể gây tổn thương động mạch khoeo vì
(II): Động mạch khoeo đi ở vùng khoeo rất gần với các xương khớp gối